

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

-----0-----

TP.Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2013

Kính gửi : - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

' - SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Công ty xin giải trình biến động Báo cáo kết quả kinh doanh giữa Báo cáo tài chính Quý 4/2012 so với Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán với nội dung như sau :

1) Báo cáo Kết quả kinh doanh Công ty Mẹ :

Chỉ tiêu		Số liệu trên BCTC năm 2012 đã KT	Số liệu trên BCTC Quý IV/2012	Số chênh lệch	Nội dung điều chỉnh
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>2.458.851.022.549</b>	2.464.029.119.741	-5.178.097.192	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	35.240.497.767	37.265.989.480	-2.025.491.713	Chủ yếu là giảm hàng bán trả lại bán chất là trả lại hóa đơn số tiền 2,9 tỷ đồng
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>2.423.610.524.782</b>	2.426.763.130.261	-3.152.605.479	
4. Giá vốn hàng bán	11	2.351.176.862.656	2.354.773.847.199	-3.596.984.543	
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>	<b>72.433.662.126</b>	71.989.283.062	444.379.064	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	153.840.606.856	147.665.451.371	6.175.155.485	
7. Chi phí tài chính	22	143.578.574.744	132.569.391.964	11.009.182.780	Chủ yếu do tăng lãi trái phiếu phải trả với số tiền 9,6 tỷ đồng và tăng CLTG trong thanh toán và cuối kỳ với số tiền 2 tỷ đồng.
Trong đó : Chi phí lãi vay	23	99.473.203.517	89.899.762.287	9.573.441.230	Chủ yếu do tăng lãi trái phiếu phải trả với số tiền 9,6 tỷ đồng.
8. Chi phí bán hàng	24	7.930.035.945	7.327.511.466	602.524.479	Chủ yếu do phân loại lại chi phí khấu hao số tiền 1,1 tỷ đồng và phân loại chi phí bán hàng sang chi phí quản lý doanh nghiệp hơn 400 triệu đồng.
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	53.933.248.696	52.985.051.716	948.196.980	
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30= 20 + (21-22)-(24-25)</b>	<b>30</b>	<b>20.832.409.597</b>	26.772.779.287	-5.940.369.690	
11. Thu nhập khác	31	918.277.275	852.026.170	66.251.105	Chủ yếu do kết chuyển số dư quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm



12. Chi phí khác	32	797.263.364	744.763.364	52.500.000	
<b>13. Lợi nhuận khác ( 40 = 31 - 32 )</b>	<b>40</b>	<b>121.013.911</b>	107.262.806	13.751.105	
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế ( 50 = 30 +40 )</b>	<b>50</b>	<b>20.953.423.508</b>	26.880.042.093	-5.926.618.585	
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	1.245.544.582	3.311.325.673	-2.065.781.091	
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52	532.519.348		532.519.348	
<b>17. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51-52 )</b>	<b>60</b>	<b>19.175.359.578</b>	23.568.716.420	-4.393.356.842	
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>70</b>	<b>2.292</b>			

2) Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty :

Chỉ tiêu		Số liệu trên BCTC năm 2012 đã KT	Số liệu trên BCTC Quý IV/2012	Số chênh lệch	Nội dung điều chỉnh
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>9.118.225.316.257</b>	9.116.908.483.479	1.316.832.778	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	178.187.774.307	180.278.748.853	-2.090.974.546	
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>8.940.037.541.950</b>	8.936.629.734.626	3.407.807.324	
4. Giá vốn hàng bán	11	8.147.741.800.417	8.148.450.785.816	-708.985.399	
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>	<b>792.295.741.533</b>	788.178.948.810	4.116.792.723	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	128.922.954.441	125.014.672.634	3.908.281.807	
7. Chi phí tài chính	22	153.731.515.063	141.712.064.774	12.019.450.289	Chủ yếu do tăng lãi trái phiếu phải trả với số tiền 9,6 tỷ đồng và tăng CLTG trong thanh toán và cuối kỳ với số tiền 2 tỷ đồng.
Trong đó : Chi phí lãi vay	23	103.186.709.277	93.617.450.584	9.569.258.693	Chủ yếu do tăng lãi trái phiếu phải trả với số tiền 9,6 tỷ đồng.
8. Chi phí bán hàng	24	675.204.913.311	674.920.999.099	283.914.212	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	72.250.243.827	71.522.704.828	727.538.999	
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30= 20 + (21-22)-(24-25))</b>	<b>30</b>	<b>20.032.023.773</b>	25.037.852.743	-5.005.828.970	
11. Thu nhập khác	31	2.105.340.033	2.680.256.448	-574.916.415	Chủ yếu do giảm thu nhập từ bán tài sản nội bộ 641 triệu đồng.
12. Chi phí khác	32	242.603.639	831.271.159	-588.667.520	Chủ yếu do giảm chi phí từ bán tài sản nội bộ 641 triệu đồng.
<b>13. Lợi nhuận khác ( 40 = 31 - 32 )</b>	<b>40</b>	<b>1.862.736.394</b>	1.848.985.289	13.751.105	
<b>14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>50</b>			0	
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế ( 50 = 30 +40 )</b>	<b>60</b>	<b>21.894.760.167</b>	26.886.838.032	-4.992.077.865	
16. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	61	5.863.008.027	6.697.295.858	-834.287.831	
17. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	62	738.597.048	303.287.511	435.309.537	

7976  
 ITY  
 HÂN  
 PHÁ  
 HIMEI  
 HỒ S

<b>18. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51-52 )</b>	<b>70</b>	<b>15.293.155.092</b>	19.886.254.663	-4.593.099.571	
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71			0	
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72	15.293.155.092	19.886.254.663	-4.593.099.571	
<b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>80</b>				

Công ty xin báo cáo giải trình biến động Báo cáo kết quả kinh doanh giữa Báo cáo tài chính Quý 4/2012 so với Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán nội dung nêu trên .

Trân trọng kính chào .

Nơi nhận :

- Như trên
- HĐQT Công ty
- Lưu : VT,KT

**CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX**  
TỔNG GIÁM ĐỐC,



**Nguyễn Quốc Cường**

